

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 20/QM-DNPBG

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 05/02/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 05/02 – 08/02/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCDP 01:2021/BG	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3113B:2023	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500- Cl- F:2023	mg/L	0.88	0.49	0.42	0.39	0.2 – 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 12402: 1-2020	NTU	<0.1	<0.1	<0.1	<0.1	2	Đạt
6	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	TCU	KPH	KPH	KPH	KPH	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	SMEWW 2150B&2160B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	-	7.62	7.68	7.70	7.56	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số Permanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1.15	1.09	1.02	1.09	2	Đạt
10	Độ cứng tính theo CaCO ₃ (*)	SMEWW 2340C:2023	mg/L	100	99	99	115	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	10.3	9.9	9.6	9.6	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
13	Nhôm (Al) (*)	SMEWW 3500-AL B:2023	mg/L	0.05	0.05	0.05	0.05	0.2	Đạt
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.49	0.48	0.47	0.47	2	Đạt
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B:2023	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (Fe) (*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	EPA- Method-375.4 1978	mg/L	<10	<10	<10	<10	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCDP 01:2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của As: 1 µg/L; NO₃⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L; Màu sắc 2 TCU.

XÉT NGHIỆM VIÊN

Phạm Văn Năm

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Đào Thị Ngọc Hà

Bắc Giang ngày 08 tháng 02 năm 2025
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG

HA TẦNG NƯỚC
DNP-BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG
GIÁM ĐỐC
Đào Thị Ngọc Hà

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 20/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	0225139/445	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	0225139/446	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	0225139/447	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	0225139/448	Hộ dân: Hà Thị Hoạt, Cầu Ngoài Mỹ Thái, Lạng Giang, Bắc Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2